

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**ĐƠN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

**Kính gửi: Chủ tịch UBND phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh**

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất:

*(Trường hợp nhiều người cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản thì kê khai tên người cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản đó theo Mẫu số 15a)*

a) Họ và tên <sup>(2)</sup>: **ÔNG TRẦN VĂN TÙNG**

b) Giấy tờ nhân thân/pháp nhân <sup>(3)</sup>: CCCD số 0240 7100 6936 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 09/5/2021.

c) Địa chỉ <sup>(4)</sup>: Tổ dân phố Phúc Thượng, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh

d) Điện thoại liên hệ (nếu có): 0368 457 655. Hộp thư điện tử (nếu có):

2. Thửa đất đăng ký (người sử dụng đất là tổ chức thì không phải kê khai mục này):

*(Trường hợp đăng ký nhiều thửa đất nông nghiệp mà không đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoặc đề nghị cấp chung một Giấy chứng nhận cho nhiều thửa đất nông nghiệp thì không kê khai các nội dung tại Mục này mà chỉ ghi tổng số thửa và kê khai từng thửa đất theo Mẫu số 15b)*

a) Thửa đất số: **251** ;

2.2. Tờ bản đồ số: **27**

b) Địa chỉ <sup>(5)</sup>: Tổ dân phố Phúc Thượng, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh

c) Diện tích <sup>(6)</sup>: **633,6m<sup>2</sup>**; sử dụng chung: **633,6m<sup>2</sup>**; sử dụng riêng: 0m<sup>2</sup>.

d) Sử dụng vào mục đích<sup>(7)</sup>: Đất ở tại đô thị và đất trồng cây lâu năm, Từ thời điểm: Trước năm 1980

d) Thời hạn đề nghị được sử dụng đất<sup>(8)</sup>: Đất ở tại đô thị: Lâu dài;  
đất trồng cây lâu năm: 50 năm

e) Nguồn gốc sử dụng đất<sup>(9)</sup>: Đất thổ cư cũ, đất do cha ông để lại, bố mẹ ông Tùng sử dụng ổn định vào mục đích đất ở từ trước năm 1980 đến nay, không tranh chấp với ai.

g) Có quyền hoặc hạn chế quyền đối với thửa đất liền kề số ....., tờ bản đồ số ....., của ....., nội dung về quyền đối với thửa đất liền kề ..... <sup>(10)</sup>.

3. Nhà ở, công trình xây dựng (người sử dụng đất là tổ chức thì không phải kê khai mục này):

*(Chỉ kê khai nếu có nhu cầu đăng ký hoặc chứng nhận quyền sở hữu tài sản; Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình xây dựng khác trên cùng 01 thửa đất thì chỉ kê khai các thông tin chung và tổng diện tích của các nhà ở, công trình xây dựng; đồng thời lập danh sách nhà ở, công trình theo Mẫu số 15c)*

a) Loại nhà ở, công trình xây dựng <sup>(11)</sup>: .....

b) Diện tích xây dựng<sup>(12)</sup>: ..... m<sup>2</sup>.

c) Diện tích sàn xây dựng/diện tích sử dụng <sup>(13)</sup>: .....m<sup>2</sup>.

d) Sở hữu chung<sup>(14)</sup>: ..... m<sup>2</sup>, sở hữu riêng<sup>(14)</sup>: ..... m<sup>2</sup>.

đ) Số tầng: ..... tầng; trong đó, số tầng nổi: ..... tầng, số tầng hầm: .....tầng.

e) Nguồn gốc <sup>(15)</sup>: .....

g) Năm hoàn thành xây dựng<sup>(16)</sup>: .....

h) Thời hạn sở hữu đến <sup>(17)</sup>: .....

i) Cam kết về việc đủ điều kiện tồn tại nhà ở, công trình xây dựng<sup>(18)</sup>:

4. Đề nghị của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất: (Đánh dấu  vào ô lựa chọn)

a) Đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất

b) Đề nghị cấp Giấy chứng nhận

c) Đề nghị ghi nợ tiền sử dụng đất (đối với cá nhân)

d) Đề nghị khác (nếu có): .....

5. Những giấy tờ nộp kèm theo<sup>(19)</sup>:

(1) Trích đo chỉnh lý thửa đất;

(2) CCCD; các tờ kê khai thuế

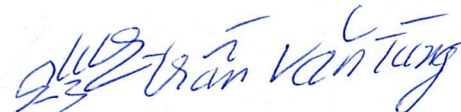
(3) Biên bản họp gia đình;

(4) Văn bản thỏa thuận cấp chung 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Tôi/chúng tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi/chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..... ngày 29 tháng 01 năm 2026

**Người sử dụng đất/Người kê khai**  
(Ký, ghi rõ họ tên hoặc đóng dấu (nếu có))



Mẫu số 15a. Danh sách những người sử dụng chung thửa đất, Sở hữu chung tài sản gắn liền với đất

**NHỮNG NGƯỜI SỬ DỤNG CHUNG THỬA ĐẤT, SỞ HỮU CHUNG TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

(Kèm theo Mẫu số 15)

Sử dụng chung thửa đất:  Sở hữu chung tài sản gắn liền với đất:  (Đánh dấu vào ô lựa chọn)

Số thứ tự	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Năm sinh	Giấy tờ pháp nhân, nhân thân				Địa chỉ
			Loại giấy tờ	Số	Ngày, tháng, năm cấp	Cơ quan cấp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Thân Thị Trén	1946	CCCD	0241 4600 4588	17/12/2021	Cục CSQLHC về TTXH	TDP Phúc Thượng, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh
2	Trần Anh Tuấn	1966	CCCD	0240 6600 0748	10/4/2021	Cục CSQLHC về TTXH	TDP Phúc Thượng, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh
3	Trần Thị Vân	1969	CCCD	0241 6900 0442	14/4/2021	Cục CSQLHC về TTXH	Tổ dân phố 4, Phường Bắc Giang
4	Trần Văn Tùng	1971	CCCD	0240 7100 6936	09/5/2021	Cục CSQLHC về TTXH	TDP Phúc Thượng, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh
5	Trần Văn Tuấn	1972	CCCD	0240 7200 1284	16/4/2021	Cục CSQLHC về TTXH	TDP Phúc Thượng, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh
6	Trần Quốc Toàn	1983	Căn cước	0240 8302 1376	26/9/2024	Bộ công an	TDP Phúc Thượng, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh

...., ngày 2 tháng . Năm 2026

Người sử dụng đất/Người kê khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Trần Văn Tùng

